TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BA BỂ** **TỈNH BẮC KẠN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **17/2025**/HS-ST
Ngày 25/6/2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BA BỂ, TỈNH BẮC KẠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Thế Hùng

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Lưu Xuân Thảo

2. Bà Lý Thị Thịnh

- Thư ký phiên tòa: Bà Bào Kim Vân, Thư ký viên Tòa án nhân dân huyện Ba Bể, tỉnh Bắc Kạn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ba Bể, tỉnh Bắc Kạn tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị Thu Huyền - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 6 năm 2025, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Ba Bể, tỉnh Bắc Kạn, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 12/2025/HSST ngày 12 tháng 6 năm 2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 11/2025/QĐXXST- HS ngày 13 tháng 6 năm 2025 đối với bị cáo:

Trịnh Thị Th (tên gọi khác: Không), sinh ngày 11 tháng 10 năm 1983 tại huyện B, tỉnh Bắc Kạn; Nơi cư trú: Thôn N, xã Th, huyện B, tỉnh Bắc Kạn; Nghề nghiệp: Công chức Địa chính - Nông nghiệp - Xây dựng và Môi trường Ủy ban nhân dân xã Kh, huyện B, tỉnh Bắc Kạn; Chức vụ, Đảng, đoàn thể: Đảng viên Đảng Cộng Sản Việt Nam (Đã bị khai trừ ra khỏi Đảng theo quyết định số: 72-QĐ/UBKTHU ngày 13/6/2025 của Ủy ban Kiểm tra huyện ủy B); Trình độ văn hóa: 12/12; Dân tộc: Tày; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Trịnh Văn L và bà Hứa Thị Ngh; Chồng: Nguyễn Xuân N; Con có 01 con, sinh năm 2009. Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 24/9/2024 đến ngày 18/4/2025 được áp dụng biện pháp Bảo Lĩnh cho tại ngoại tại địa phương cho đến nay, có mặt tại phiên tòa.

**** Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:***

- Ông Bế Cao Đ, sinh năm 1972; Nơi cư trú: Thôn N, xã Kh, huyện B, tỉnh Bắc Kạn. (Có mặt tại phiên tòa)

- Bà Bế Thị Th, sinh năm 1975; Nơi cư trú: Thôn N, xã Kh, huyện B, tỉnh Bắc Kạn. (Có mặt tại phiên tòa)

- Chị Triệu Thị H, sinh năm 1994; Nơi cư trú: T7, thị trấn Ch, huyện B, tỉnh Bắc Kạn. (Có mặt tại phiên tòa)

- Chị Lường Thị B, sinh năm 1988; Nơi cư trú: Thôn P, xã Kh, huyện B, tỉnh Bắc Kạn. (Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt)

- Bà Dương Thị D, sinh năm 1962; Nơi cư trú: Thôn N, xã Kh, huyện B, tỉnh Bắc Kạn. (Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt)

- Chị Dương Thị Ch, sinh năm 1986; Nơi cư trú: Thôn N, xã Kh, huyện B, tỉnh Bắc Kạn. (Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt)

- Ông Hoàng Văn C, sinh năm 1976; Nơi cư trú: Thôn N, xã G, huyện P, tỉnh Bắc Kạn. (Có mặt tại phiên tòa)

- Anh Hoàng Văn Tr, sinh năm 1998; Nơi cư trú: Thôn B, xã Kh, huyện B, tỉnh Bắc Kạn. (Có mặt tại phiên tòa)

- Ông Dương Văn H, sinh năm 1978; Nơi cư trú: Thôn N, xã Kh, huyện B, tỉnh Bắc Kạn. (Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trịnh Thị Th là công chức Địa chính - Nông nghiệp - Xây dựng và Môi trường thuộc Ủy ban nhân dân (UBND) xã Kh, huyện B, tỉnh Bắc Kạn, nhiệm vụ là tham mưu giúp Ủy ban nhân dân xã tổ chức thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của Ủy ban nhân dân cấp xã trong lĩnh vực đất đai, địa giới hành chính, tài nguyên, trực tiếp thu thập thông tin, tổng hợp số liệu, lập sổ sách các tài liệu và xây dựng các báo cáo về đất đai, địa giới hành chính, chủ trì, phối hợp với công chức khác thực hiện các thủ tục hành chính trong việc tiếp nhận hồ sơ và thẩm tra để xác minh nguồn gốc, hiện trạng đăng ký và sử dụng đất đai, tình trạng tranh chấp đất đai và biến động về đất đai trên địa bàn, xây dựng các hồ sơ, văn bản về đất đai và việc cấp phép cải tạo, xây dựng các công trình và nhà ở trên địa bàn để Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định hoặc báo cáo Ủy ban nhân dân cấp trên xem xét, quyết định theo quy định của pháp luật.

Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ tiếp nhận hồ sơ xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của người dân trên địa bàn xã Kh, huyện B, tỉnh Bắc Kạn, Trịnh

Thị Th đã nhận tiền của người dân để hoàn thiện thủ tục chuyển nhượng và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, cụ thể như sau:

Lần thứ nhất, nhận tiền của ông Bế Cao Đ, sinh năm 1972, trú tại thôn N, xã Kh, huyện B, tỉnh Bắc Kạn, cụ thể tháng 8/2022, ông Bế Cao Đ đến Ủy ban nhân dân xã Kh, huyện B để làm thủ tục xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 324, tờ bản đồ số 67 của gia đình ông tại thôn N, xã Kh, huyện B, tỉnh Bắc Kạn. Trịnh Thị Th là người tiếp nhận và hướng dẫn ông Đ làm thủ tục hồ sơ xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Sáng ngày 14/10/2022, Trịnh Thị Th sử dụng điện thoại di động Redmi Note 11 Pro bên trong có số thuê bao 0983.177.349 gọi đến số thuê bao 0368.194.399 của ông Đ để hẹn đến UBND xã Kh để lấy hồ sơ nhưng sau đó Th lại gọi điện thoại nói sẽ trực tiếp mang hồ sơ đến nhà ông Đ. Sau đó, Th điều khiển xe mô tô nhãn hiệu HONDA VISION, màu đen trắng, biển số đăng ký 97B1-691.65 từ UBND xã Kh đến nhà ông Đ. Khi đến nhà ông Đ, Th đưa hồ sơ xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Đ xe và yêu cầu ông Đ phải đưa cho Th số tiền 30.000.000đ (Ba mươi triệu đồng) tiền mặt để làm thủ tục xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, nếu không đưa tiền thì sẽ không được cấp giấy. Do ông Đ chỉ có 10.000.000đ (Mười triệu đồng) tiền mặt nên ông Đẳng đã đưa trước cho Th số tiền 10.000.000đ (Mười triệu đồng) bằng cách cho vào trong túi hồ sơ Th vừa cho xem rồi đưa lại cho Th. Số tiền 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng) còn lại theo yêu cầu của Th, ông Đ đề nghị chuyển khoản. Nhằm che giấu hành vi vi phạm pháp luật của mình nên Th đã không cung cấp số tài khoản của Th cho ông Đ mà cung cấp số tài khoản 8605215015043 của Triệu Thị H là em dâu của Th, trú tại T 7, thị trấn Ch, huyện B, tỉnh Bắc Kạn để ông Đ chuyển tiền. Ngay sau khi Th cung cấp số tài khoản của H, ông Đ đã sử dụng ứng dụng ngân hàng được cài đặt trên điện thoại di động chuyển số tiền 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng) từ số tài khoản 8605205031269 của ông Đ vào số tài khoản 8605215015043 của Triệu Thị H theo yêu cầu của Th. Sau khi nhận tiền của ông Đ, đến ngày 17/10/2022 Th chuyển hồ sơ xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Đ đến UBND huyện Ba Bể để đề nghị cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho gia đình ông Đ. Ngày 26/10/2022, Th đến nhà H đề nghị H cho xin số tiền 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng) mà ông Đ chuyển vào số tài khoản 8605215015043 của H nên H đi rút tiền mặt qua ATM 04 lần, mỗi lần 5.000.000đ (Năm triệu đồng) và về nhà đưa tiền mặt cho Th, tổng số tiền là 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng). Số tiền 30.000.000đ (Ba mươi triệu đồng) nhận của ông Đ, Th đã sử dụng vào mục đích chi tiêu cá nhân. Ngày 30/12/2022 UBND huyện Ba Bể cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CM366791 đối với thửa đất số 324, tờ bản đồ số 67 cho ông Bế Cao Đ và bà Ngôn Thị B (vợ ông Đ). Đến năm 2024, nhận thấy việc Th yêu cầu mình phải đưa tiền cho Th thì mới được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là không đúng, nên ngày 16/9/2024 ông Bế Cao Đ đến cơ quan Cảnh sát

điều tra Công an huyện Ba Bể trình báo sự việc. Ngày 18/9/2024 và ngày 21/9/2024 Trịnh Thị Th đã tự nguyện giao nộp số tiền 30.000.000đ (Ba mươi triệu đồng) cho cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Ba Bể.

Lần thứ hai nhận tiền của bà Bế Thị Th, sinh năm 1975, trú tại thôn N, xã Kh, huyện B, tỉnh Bắc Kạn, cụ thể tháng 8/2023 bà Th đến UBND xã Khang Ninh để làm thủ tục chuyển nhượng 02 thửa đất trồng lúa tại thôn N, xã Kh cho bà Hà Thị H, sinh năm 1966, trú tại thôn N, xã Kh, huyện B, tỉnh Bắc Kạn. Thửa đất trên trước đây bà Th mua với ông Quan Văn H, sinh năm 1960, trú tại thôn N, xã Kh, huyện B, tỉnh Bắc Kạn và ông Hứa Văn L, sinh năm 1945, trú tại thôn N, xã Kh, huyện B, tỉnh Bắc Kạn bằng giấy viết tay, nhưng chưa làm thủ tục chuyển nhượng sang tên người chủ sử dụng đất. Trịnh Thị Th là người tiếp nhận và hướng dẫn bà Th làm thủ tục hồ sơ. Khi tiếp nhận, Th có nói là sẽ giúp bà Th làm tất cả các thủ tục chuyển nhượng quyền sử dụng đất từ ông H và ông L sang tên cho bà H và yêu cầu bà Th phải đưa số tiền 15.000.000đ (Mười lăm triệu đồng), khi nào hoàn tất và có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì mới cần thanh toán và được bà Th đồng ý để Th làm giúp thủ tục chuyển nhượng, khi nào xong sẽ trả số tiền 15.000.000đ (Mười lăm triệu đồng) như Th yêu cầu. Sau khi thỏa thuận với bà Th, Th làm các thủ tục chuyển nhượng quyền sử dụng đất 02 thửa đất nêu trên từ ông H và ông L sang tên bà H và làm thủ tục đề nghị cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà H. Đến ngày 31/8/2023, Thắm sử dụng xe mô tô nhãn hiệu HONDA VISION, màu đen trắng, biển số đăng ký 97B1-691.65 từ UBND xã Kh đến nhà bà Th và nói đã có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và yêu cầu bà Th đưa cho Th số tiền 15.000.000đ (Mười lăm triệu đồng) bằng tiền mặt. Tuy nhiên do không có đủ tiền mặt nên bà Th đề nghị chuyển khoản và được Th đồng ý. Nhằm che giấu hành vi vi phạm pháp luật của mình nên Th đã không cung cấp số tài khoản của Th cho bà Th mà cung cấp số tài khoản 8605215015043 của Triệu Thị H là em dâu của Th để bà Th chuyển tiền. Sau khi Th cung cấp số tài khoản, bà Th đã sử dụng ứng dụng ngân hàng cài đặt trên điện thoại di động chuyển số tiền 15.000.000đ (Mười lăm triệu đồng) từ số tài khoản 8605205027987 của bà Bế Thị Th vào số tài khoản 8605215015043 của Triệu Thị H. Sau khi bà Th chuyển tiền, Th đưa giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CM366840 ngày 24/8/2023 mang tên bà Hà Thị H cho bà Th. Sau đó, Th đến nhà H để lấy số tiền 15.000.000đ (Mười lăm triệu đồng) mà bà Th chuyển cho Th và đã sử dụng hết vào mục đích chi tiêu cá nhân. Đến ngày 24/10/2024 bà Th chủ động đến cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Ba Bể để tố giác hành vi vi phạm của Trịnh Thị Th. Ngày 07/5/2025, Trịnh Thị Th đã tự nguyện nộp số tiền 15.000.000đ (Mười lăm triệu đồng) tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Kạn để nhằm khắc phục hậu quả.

Quá trình giải quyết vụ án, Trịnh Thị Th đã thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

Bản cáo trạng số: 12/CT-VKSBB, ngày 09/6/2025 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Ba Bể, tỉnh Bắc Kạn truy tố bị cáo về tội *"Nhận hối lộ"* theo điểm đ khoản 2 Điều 354 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên toà sơ thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ba Bể, tỉnh Bắc Kạn giữ nguyên quyết định truy tố, đề nghị Hội đồng xét xử sơ thẩm các vấn đề cụ thể như sau:

- Tuyên bố bị cáo Trịnh Thị Th phạm tội "*Nhận hối lộ*";

- Áp dụng điểm đ khoản 2, khoản 5 Điều 354; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 50; Điều 38; Điều 41; Điều 54/Bộ luật Hình sự;

- Xử phạt bị cáo từ 04 năm đến 04 năm 06 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án, được trừ đi thời gian bị tạm giam từ ngày 24/9/2024 đến ngày 18/4/2025.

- Phạt bổ sung: Phạt tiền từ 30.000.000đ đến 40.000.000đ để sung quỹ nhà nước. Cấm đảm nhiệm chức vụ từ 01 - 02 năm.

- Về hành vi đưa số tiền 30.000.000đ (Ba mươi triệu đồng) của ông Bế Cao Đ và hành vi đưa số tiền 15.000.000đ (Mười lăm triệu đồng) của bà Bế Thị Th theo yêu cầu của Trịnh Thị Th. Cả hai người này đã chủ động khai báo trước khi bị phát giác, nên căn cứ khoản 7 Điều 364/BLHS không cấu thành tội phạm.

- Về trách nhiệm dân sự: Ông Bế Cao Đ có đề nghị được trả lại số tiền 30.000.000đ (Ba mươi triệu đồng) và bà Bế Thị Th có đề nghị được trả lại số tiền 15.000.000đ (Mười lăm triệu đồng). Bị cáo Trịnh Thị Th đã nộp lại toàn bộ số tiền trên, căn cứ khoản 7 Điều 364/BLHS trả lại số tiền 30.000.000đ (Ba mươi triệu đồng) cho ông Bế Cao Đ, trả lại số tiền 15.000.000đ (Mười lăm triệu đồng) cho bà Bế Thị Th.

- Về xử lý vật chứng của vụ án:

+ Tịch thu hóa giá sung quỹ nhà nước 01 điện thoại di động Redmi Note 11 Pro.

+ Trả lại 01 xe mô tô nhãn hiệu HONDA VISION, màu đen trắng, biển số đăng ký 97B1 - 691.65 cho bị cáo.

+ Trả lại cho ông Bế Cao Đ 01 điện thoại di động màn hình cảm ứng, màu xanh đen mặt sau có in dòng chữ SAMSUNG

+ 01 thẻ nhớ Camera loại micro SD 64GB, 01 đĩa DVD (cả hai đều niêm phong) đây là tài liệu chứng cứ cần lưu lại tại hồ sơ vụ án.

+ Tạm giữ số tiền 80.000.000đ bị cáo đã nộp để đảm bảo thi hành án. Trong đó: số tiền 30.000.000đ (Niêm phong trong phong bì ký hiệu T5, T6), 15.000.000đ

bị cáo nộp ngày 07/5/2025 theo biên lai số 0000291 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Kạn và 35.000.000đ bị cáo nộp ngày 06/6/2025 theo biên lai số 0001597 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ba Bể, tỉnh Bắc Kạn.

- Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14. Bị cáo phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan tại phiên tòa: Ông Bế Cao Đ có đề nghị được trả lại số tiền 30.000.000đ (Ba mươi triệu đồng) và bà Bế Thị Th có đề nghị được trả lại số tiền 15.000.000đ (Mười lăm triệu đồng), đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

* Đối với bà Lường Thị B, bà Dương Thị D, ông Hoàng Văn C, anh Hoàng Văn Tr trong quá trình giải quyết vụ án đã có đơn tố giác hành vi sai phạm đối với bị cáo Trịnh Thị Th, trong quá trình điều tra Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Bắc Kạn không có căn cứ xem xét xử lý. Tại phiên tòa, ông Hoàng Văn C, anh Hoàng Văn Tr không có đề nghị gì thêm.

* Tại phiên tòa: Bị cáo Trịnh Thị Th nhất trí với điều luật, tội danh mà Viện kiểm sát nhân dân huyện Ba Bể đã đề nghị, không có ý kiến tranh luận. Đối với các nội dung tố cáo của bà Lường Thị B, bà Dương Thị D, ông Hoàng Văn C, anh Hoàng Văn Tr bị cáo không đề nghị gì.

Bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo Trịnh Thị Th mong Hội đồng xét xử xem xét giảm mức án cho bị cáo, để sớm trở về với gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Ba Bể, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Ba Bể, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt. Tuy nhiên, tại cơ quan điều tra họ đã có lời khai đầy đủ và không có yêu cầu gì. Việc vắng mặt họ không ảnh hưởng đến việc xét xử của Tòa án. Căn cứ khoản 1 Điều 292 của Bộ luật tố tụng Hình sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt họ.

[3] Tại phiên tòa, bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội: Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ tiếp nhận hồ sơ xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của người dân trên địa bàn xã Kh, huyện B, tỉnh Bắc Kạn, Trịnh Thị Th đã nhận tiền của người dân để hoàn thiện thủ tục chuyển nhượng và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Ngày 14/10/2022 tại nhà ông Bế Cao Đ thuộc thôn N, xã Kh, huyện B, tỉnh Bắc Kạn, Trịnh Thị Th đã nhận của ông Bế Cao Đ số tiền 30.000.000đ (Ba mươi triệu đồng), trong đó Th nhận trực tiếp số tiền 10.000.000đ (Mười triệu đồng) tiền mặt từ ông Đ và nhận số tiền 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng) thông qua tài khoản ngân hàng của Triệu Thị H. Lần thứ hai vào ngày 13/8/2023, tại nhà bà Bế Thị Th thuộc thôn N, xã Kh, huyện B, tỉnh Bắc Kạn, Trịnh Thị Th đã nhận của bà Bế Thị Th số tiền 15.000.000đ (Mười lăm triệu đồng) thông qua tài khoản ngân hàng của Triệu Thị H. Tổng số tiền Trịnh Thị Th đã nhận là 45.000.000đ (Bốn mươi lăm triệu đồng) để làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Bế Cao Đ và làm thủ tục chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho bà Bế Thị Th, số tiền này Trịnh Thị Th đã chi tiêu cá nhân hết.

[4] Lời khai của bị cáo phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội :*"Nhận hối lộ"* được quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 354 Bộ luật Hình sự.

Điều luật có nội dung như sau:

1. Người nào lợi dụng chức vụ, quyền hạn trực tiếp hoặc qua trung gian nhận hoặc sẽ nhận bất kỳ lợi ích nào sau đây cho chính bản thân người đó hoặc cho người hoặc tổ chức khác để làm hoặc không làm một việc vì lợi ích hoặc theo yêu cầu của người đưa hối lộ, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm:

……

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 07 năm đến 15 năm:

…

đ) Phạm tội 02 lần trở lên;

……

5. Người phạm tội còn bị cấm đảm nhiệm chức vụ nhất định từ 01 năm đến 05 năm, có thể bị phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản.

[5] Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm những quan hệ xã hội liên quan đến hoạt động bình thường của cơ quan, tổ chức Nhà nước, làm cho cơ quan, tổ chức bị suy yếu, mất niềm tin trong quần chúng nhân dân đối với cơ quan Nhà nước, trong bối cảnh Đảng và Nhà nước đang kiên quyết phòng, chống tham

nhũng và làm trong sạch bộ máy các cấp của chính quyền, xét thấy cần xử lý bằng pháp luật hình sự, cần phải cách ly bị cáo với xã hội một thời gian nhất định nhằm răn đe và phòng ngừa chung.

[6] Xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo. Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, bị cáo có nhân thân tốt, quá trình sinh sống tại địa phương chưa có tiền án, tiền sự. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm, bị cáo thành khẩn khai báo và tỏ ra ăn năn hối cải, sau khi sự việc bị phát hiện bị cáo đã nộp lại số tiền tại cơ quan điều tra và nộp tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Kạn nhằm khắc phục hậu quả. Do vậy, bị cáo được hưởng 02 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự đó là: "*Người phạm tội tự nguyện khắc phục hậu quả"*, *"Người phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải"*. Ngoài ra, bị cáo có ông nội là ông Trịnh Văn T được Nhà nước tặng thưởng Huy chương kháng chiến hạng nhất, bố chồng bị cáo là ông Nguyễn Xuân N được Nhà nước tặng thưởng Huy chương kháng chiến hạng nhất, có chồng là Nguyễn Xuân N và bản thân bị cáo trong quá trình công tác đều đạt Danh hiệu Lao động tiên tiến trở lên (có xác nhận của chính quyền địa phương nơi bị cáo cư trú), đồng thời trong quá trình giải quyết vụ án bị cáo đã tự nguyện nộp số tiền 35.000.000đ bị cáo nộp ngày 06/6/2025 theo biên lai số 0001597 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ba Bể, tỉnh Bắc Kạn, để giải quyết hậu quả của vụ việc, và tại phiên tòa những người liên quan ông Bế Cao Đ, bà Bế Thị Th xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, nên bị cáo được hưởng thêm các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[7] Bị cáo có 02 tình tiết giảm nhẹ được quy định tại khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự và các tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự, theo quy định tại khoản 1 Điều 54 của Bộ luật hình sự nên áp dụng mức hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt cho bị cáo.

[8] Theo quy định tại khoản 5 Điều 354/BLHS quy định về cấm đảm nhiệm chức vụ và phạt tiền đối với hành vi vi phạm của bị cáo. Hội đồng xét xử xét thấy việc cấm đảm nhiệm chức vụ với thời hạn 02 năm sau khi chấp hành án phạt tù xong đối với bị cáo là phù hợp, Phạt tiền bị cáo 35.000.000đ (Ba mươi lăm triệu đồng) để sung quỹ nhà nước.

[9] Về trách nhiệm dân sự: Ông Bế Cao Đ có đề nghị được trả lại số tiền 30.000.000đ (Ba Mươi triệu đồng) và bà Bế Thị Th có đề nghị được trả lại số tiền 15.000.000đ (Mười lăm triệu đồng), bị cáo Trịnh Thị Th đã nộp lại số tiền trên, theo quy định tại khoản 7 Điều 364/BLHS trả lại cho ông Bế Cao Đ số tiền 30.000.000đ (Ba Mươi triệu đồng) và trả lại cho bà Bế Thị Th số tiền 15.000.000đ (Mười lăm triệu đồng).

[10] Về vật chứng của vụ án: Quá trình điều tra, cơ quan điều tra có thu giữ Phong bì T4 bên trong có chứa 01 điện thoại di động Redmi Note 11 Pro (chưa kiểm tra chi tiết máy) bên trong máy có 02 sim điện thoại gồm số thuê bao 0983.177.349 và 0837.792.688 (máy đã qua sử dụng), tình trạng niêm phong còn nguyên; 01 xe mô tô nhãn hiệu HONDA VISION, màu đen trắng, biển số đăng ký 97B1 - 691.65, số khung: 5815GY287036, số máy: JF66E0287111, tình trạng xe đã qua sử dụng; Phong bì D2 bên trong có chứa 01 điện thoại di động màn hình cảm ứng, màu xanh đen, mặt sau có in dòng chữ SAMSUNG bên trong có lắp sim điện thoại VIETTEL có số thuê bao 0368.194.688 máy đã qua sử dụng, tình trạng còn nguyên niêm phong; 01 thẻ nhớ camera loại micro SD 64GB thẻ nhớ đã qua sử dụng, được niêm phong trong phong bì ký hiệu N1; 01 đĩa DVD niêm phong trong phong bì ký hiệu D1; số tiền 30.000.000đ (Niêm phong trong phong bì ký hiệu T5, T6), 15.000.000đ bị cáo nộp ngày 07/5/2025 theo biên lai số 0000291 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Kạn và 35.000.000đ bị cáo nộp ngày 06/6/2025 theo biên lai số 0001597 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ba Bể, tỉnh Bắc Kạn.

Hội đồng xét xử, xét thấy đối với 01 điện thoại di động Redmi Note 11 Pro của bị cáo đây là phương tiện dùng vào việc phạm tội, do vậy cần tịch thu hóa giá sung quỹ nhà nước; Đối với 01 xe mô tô nhãn hiệu HONDA VISION, màu đen trắng, biển số đăng ký 97B1-691.65 của bị cáo không liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo cho nên trả lại cho bị cáo; Đối với 01 điện thoại di động màn hình cảm ứng, màu xanh đen mặt sau có in dòng chữ SAMSUNG của ông Bế Cao Đẳng trả lại cho ông Bế Cao Đẳng; Đối với 01 thẻ nhớ Camera loại micro SD 64GB, 01 đĩa DVD (cả hai đều niêm phong) đây là tài liệu chứng cứ cần lưu lại tại hồ sơ vụ án; Đối với số tiền 80.000.000đ bị cáo đã nộp để đảm bảo thi hành án, trong đó: số tiền 30.000.000đ (Niêm phong trong phong bì ký hiệu T5, T6), số tiền 15.000.000đ bị cáo nộp ngày 07/5/2025 theo biên lai số 0000291 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Kạn và số tiền 35.000.000đ bị cáo nộp ngày 06/6/2025 theo biên lai số 0001597 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ba Bể, tỉnh Bắc Kạn, cần tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

[11] Đối với bà Lường Thị B, bà Dương Thị D, ông Hoàng Văn C, anh Hoàng Văn Tr trong quá trình giải quyết vụ án đã có đơn tố giác hành vi sai phạm đối với bị cáo Trịnh Thị Th, trong quá trình điều tra Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Bắc Kạn không có căn cứ xem xét xử lý là có căn cứ pháp luật.

[12] Đối với ông Bế Cao Đ, bà Bế Thị Th có hành vi đưa tiền cho bị cáo để làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng, có dấu hiệu của tội "Đưa hối lộ" theo Điều 364 của Bộ luật hình sự, tuy nhiên quá trình điều tra xác định những người này đều là người lao động tự do, bản thân không nắm được các thủ tục liên quan đến đất đai, không am hiểu pháp luật và trước khi bị phát giác những người này đã tự nguyện và chủ động làm đơn tố giác đối với bị cáo đến cơ quan cảnh sát điều tra công an

huyện Ba Bể, do vậy Cơ quan Cảnh sát điều tra công an tỉnh Bắc Kạn không xem xét xử lý hình sự đối với những người trên là phù hợp với quy định của pháp luật.

[13] Đối với Triệu Thị H không biết việc ông Bế Cao Đ, bà Bế Thị Th chuyển tiền vào tài khoản của mình là tiền vi phạm pháp luật của bị cáo Trịnh Thị Th mà có, Triệu Thị H cũng không được Trịnh Thị Th nói đó là tiền nhận hối lộ và Triệu Thị H cũng không được hưởng lợi gì từ việc nhận tiền giúp Trịnh Thị Th, do vậy Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Bắc Kạn không xem xét xử lý đối với Triệu Thị H là có căn cứ pháp luật.

[14] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự theo quy định của pháp luật.

[15] Về quyền kháng cáo: Bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Bởi các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

* Tuyên bố bị cáo Trịnh Thị Th phạm tội "Nhận hối lộ".

- Áp dụng điểm đ khoản 2, khoản 5 Điều 354; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 41; Điều 50; Điều 54/ Bộ luật Hình sự.

+ Xử phạt bị cáo Trịnh Thị Th 04 (Bốn) năm tù, thời hạn tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án, được trừ đi thời gian bị tạm giam từ ngày 24/9/2024 đến ngày 18/4/2025.

+ Phạt tiền bị cáo 35.000.000đ (Ba mươi lăm triệu đồng) để sung quỹ nhà nước.

+ Cấm đảm nhiệm chức vụ với thời hạn 02 năm sau khi chấp hành án phạt tù xong đối với bị cáo.

* Về xử lý vật chứng: Áp dụng khoản 7 Điều 364/BLHS; khoản 1 Điều 46; Điều 47/BLHS; Điều 106/BLTTHS.

- Trả lại cho ông Bế Cao Đ số tiền 30.000.000đ (Ba mươi triệu đồng).

- Trả lại cho bà Bế Thị Th số tiền 15.000.000đ (Mười lăm triệu đồng).

- Tịch thu phong bì T4 bên trong có chứa 01 điện thoại di động Redmi Note 11 Pro (chưa kiểm tra chi tiết máy) bên trong máy có 02 sim điện thoại gồm số thuê bao 0983.177.349 và 0837.792.688 (máy đã qua sử dụng), tình trạng niêm phong còn nguyên, để hóa giá sung quỹ nhà nước.

- Trả lại cho bị cáo 01 xe mô tô nhãn hiệu HONDA VISION, màu đen trắng, biển số đăng ký 97B1 - 691.65, số khung: 5815GY287036, số máy: JF66E0287111, tình trạng xe đã qua sử dụng.

- Trả lại phong bì D2 bên trong có chứa 01 điện thoại di động màn hình cảm ứng, màu xanh đen, mặt sau có in dòng chữ SAMSUNG bên trong có lắp sim điện thoại VIETTEL có số thuê bao 0368.194.688 máy đã qua sử dụng, tình trạng còn nguyên niêm phong cho ông Bế Cao Đ.

- Chuyển lại hồ sơ vụ án 01 thẻ nhớ Camera loại micro SD 64GB, 01 đĩa DVD (cả hai đều niêm phong) đây là tài liệu chứng cứ cần lưu lại tại hồ sơ vụ án.

- Đối với số tiền 30.000.000đ (Niêm phong trong phong bì ký hiệu T5, T6); số tiền 15.000.000đ bị cáo nộp ngày 07/5/2025 theo biên lai số 0000291 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Kạn và số tiền 35.000.000đ bị cáo nộp ngày 06/6/2025 theo biên lai số 0001597 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ba Bể, tỉnh Bắc Kạn, cần tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

(Tình trạng vật chứng theo biên bản giao nhận giữa Cơ quan cảnh sát điều tra công an tỉnh Bắc Kạn với Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ba Bể ngày 11/6/2025).

***** Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 135 và khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016 quy định về án phí và lệ phí Tòa án. Bị cáo phải chịu 200.000đ *(Hai trăm nghìn đồng)* án phí hình sự sơ thẩm.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự; người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự."

Án xử công khai sơ thẩm có mặt bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Vắng mặt người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, báo cho biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ ./

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bắc Kạn;
- VKSND huyện Ba Bể;
- VKSND tỉnh Bắc Kạn;
- Cơ quan CSĐT Công an tỉnh BK;
- Cơ quan THAHS Công an tỉnh BK;
- Phòng Hồ sơ Công an tỉnh BK.
- Cục THA Dân sự tỉnh Bắc Kạn.
- Chi cục THADS huyện Ba Bể;
- Bị cáo.
- Người có QLNV liên quan;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Thế Hùng